

Đặc điểm cấu trúc của quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 2021-2025

Nguyễn Thị Hồng Thắm¹

Ngày nhận bài: 20/02/2026 | Ngày gửi phản biện: 24/02/2026 | Ngày duyệt đăng: 12/3/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích đặc điểm cấu trúc của quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 2021–2025 trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và cạnh tranh chiến lược Mỹ–Trung gia tăng. Dựa trên khung lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau phức hợp và quyền lực cấu trúc trong kinh tế chính trị quốc tế, nghiên cứu chỉ ra ba đặc điểm nổi bật: (i) phụ thuộc bất đối xứng gia tăng do thặng dư thương mại kéo dài của Việt Nam; (ii) nâng cấp chuỗi giá trị theo hướng công nghệ cao gắn với tái định vị chiến lược; (iii) gia tăng sử dụng công cụ chính sách và tiêu chuẩn như phương tiện thực thi quyền lực kinh tế. Bài viết lập luận rằng việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2023 đã mở rộng hợp tác thể chế, đồng thời làm sâu sắc tính chiến lược của thương mại song phương, qua đó tái định hình vị thế của Việt Nam trong cấu trúc kinh tế khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Từ khóa: Thương mại, cấu trúc, bất đối xứng; chuỗi giá trị, Hoa Kỳ, Việt Nam.

Structural Characteristics of Vietnam-United States Trade Relations (2021-2025)

Abstract: This article examines the structural characteristics of Vietnam–United States trade relations from 2021 to 2025 within the context of global supply chain restructuring and intensifying U.S.–China strategic competition. Drawing on complex interdependence and structural power approaches in international political economy, the study identifies three core features: (i) increasing asymmetric dependence driven by Vietnam’s persistent trade surplus; (ii) value chain upgrading toward high-tech sectors; and (iii) the growing use of trade policy instruments and standards as mechanisms of economic statecraft. The article argues that the 2023 Comprehensive Strategic Partnership has expanded institutional cooperation while deepening the strategic nature of bilateral trade, thereby reshaping Vietnam’s position within the Indo-Pacific economic architecture.

Keywords: Trade, structure, asymmetry, value chain, United States, Vietnam.

1. Mở đầu

Giai đoạn 2021–2025 đánh dấu sự chuyển dịch sâu sắc của thương mại toàn cầu. Đại dịch COVID-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng, trong khi cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc thúc đẩy xu hướng “friend-shoring” và tái cấu trúc sản xuất (World Trade Organization [WTO], 2023). Các chuỗi giá trị toàn cầu không còn vận hành thuần túy theo logic tối ưu chi phí mà ngày càng gắn với yếu tố an ninh và địa chính trị.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất khu vực. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Theo Office of the United States Trade Representative (2024), kim ngạch thương mại song phương đạt 138,9 tỉ USD năm 2022, giảm xuống 110,8 tỉ USD năm 2023 và phục hồi trở lại trong năm 2024. Tuy nhiên, sự gia tăng kim ngạch không chỉ phản ánh phục hồi hậu đại dịch mà còn cho thấy sự tái cấu trúc quyền lực trong hệ thống kinh tế quốc tế. Bài viết đặt ra câu hỏi: Quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 2021–2025 mang những đặc điểm cấu trúc nào, và những đặc điểm đó phản ánh sự dịch chuyển quyền lực ra sao trong kinh tế chính trị quốc tế? Từ đó, mục tiêu của nghiên cứu là: (1) Xác định các đặc điểm cấu trúc chủ yếu của quan hệ thương mại song phương; (2) Lý giải các đặc điểm này dưới góc độ lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau phức hợp và quyền lực cấu trúc; (3) Đề xuất một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

¹ ThS., Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam; Email: nguyenhongtham10288@gmail.com

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Phụ thuộc lẫn nhau phức hợp và bất đối xứng

Theo Keohane và Nye (1977), trong *Power and Interdependence*, sự gia tăng liên kết kinh tế xuyên biên giới không đồng nghĩa với sự suy giảm vai trò của quyền lực quốc gia. Trái lại, phụ thuộc lẫn nhau trong bối cảnh toàn cầu hóa đã tái cấu trúc quyền lực, khiến quyền lực không còn chỉ dựa trên năng lực quân sự mà ngày càng được thể hiện thông qua vị thế trong các mạng lưới thương mại, tài chính và thể chế quốc tế. Hai tác giả cho rằng trong điều kiện “phụ thuộc lẫn nhau phức hợp” (complex interdependence), quan hệ giữa các quốc gia được đặc trưng bởi ba yếu tố: (i) tồn tại nhiều kênh kết nối giữa các xã hội, bao gồm kênh chính phủ và phi chính phủ; (ii) không có sự phân cấp rõ ràng giữa các vấn đề an ninh và kinh tế; (iii) việc sử dụng vũ lực trở nên ít phổ biến hơn trong quan hệ giữa các quốc gia phát triển.

Tuy nhiên, điểm cốt lõi của lập luận không nằm ở sự “cùng thắng” của hội nhập kinh tế, mà ở tính bất đối xứng của sự phụ thuộc. Keohane và Nye phân biệt hai khái niệm quan trọng: nhạy cảm (sensitivity) và dễ tổn thương (vulnerability). Nhạy cảm phản ánh mức độ một quốc gia chịu tác động tức thời từ thay đổi chính sách của đối tác, trong khi dễ tổn thương thể hiện chi phí điều chỉnh dài hạn khi quan hệ bị gián đoạn và không có phương án thay thế hiệu quả. Quốc gia nào có mức độ dễ tổn thương thấp hơn sẽ nắm giữ lợi thế cấu trúc trong quan hệ song phương.

Từ góc độ này, phụ thuộc kinh tế không triệt tiêu quyền lực mà làm xuất hiện một dạng quyền lực mới – quyền lực cấu trúc (structural power) – cho phép quốc gia ít phụ thuộc hơn định hình luật chơi, tiêu chuẩn và khuôn khổ thể chế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quyền lực không chỉ được thực thi qua cưỡng ép trực tiếp mà còn thông qua việc kiểm soát tiếp cận thị trường, công nghệ, tài chính và hệ thống pháp lý quốc tế.

Áp dụng vào trường hợp Việt Nam – Hoa Kỳ, có thể nhận thấy rõ cấu trúc phụ thuộc bất đối xứng. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, đóng góp tỉ trọng đáng kể vào tăng trưởng GDP và tạo việc làm trong các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, điện tử và đồ gỗ. Sự mở rộng xuất khẩu sang Hoa Kỳ giúp Việt Nam duy trì thặng dư thương mại cao và tích lũy ngoại tệ. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc này đồng thời làm gia tăng tính nhạy cảm trước các thay đổi chính sách thương mại từ phía Hoa Kỳ.

Ngược lại, Việt Nam chỉ chiếm một tỉ lệ tương đối nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ. Với quy mô thị trường lớn và mạng lưới đối tác đa dạng, Hoa Kỳ có khả năng thay thế nguồn cung từ nhiều quốc gia khác nếu cần thiết. Điều này làm giảm mức độ dễ tổn thương của Hoa Kỳ trong quan hệ song phương, qua đó tạo ra lợi thế trong đàm phán thương mại và trong việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Hơn nữa, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, quyền lực kinh tế còn được thực thi thông qua các tiêu chuẩn về xuất xứ, lao động, môi trường và trợ cấp công nghiệp. Các công cụ này không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn phản ánh ưu thế thể chế của quốc gia giữ vai trò trung tâm trong hệ thống thương mại quốc tế.

Do đó, phụ thuộc lẫn nhau giữa Việt Nam và Hoa Kỳ không phải là mối quan hệ cân bằng, mà là một cấu trúc bất đối xứng trong đó lợi ích kinh tế song hành với rủi ro chính sách. Nhận diện rõ tính chất này có ý nghĩa quan trọng đối với hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Thay vì chỉ tập trung vào mở rộng kim ngạch xuất khẩu, Việt Nam cần quan tâm đến việc giảm mức độ dễ tổn thương thông qua đa dạng hóa thị trường, nâng cao giá trị gia tăng nội địa và tăng cường năng lực thể chế nhằm thích ứng với những biến động trong môi trường thương mại quốc tế.

2.2. Quyền lực cấu trúc và an ninh hóa kinh tế

Joseph S. Nye (2004), trong *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, cho rằng, quyền lực trong thế kỷ XXI không chỉ dựa trên khả năng cưỡng ép (hard power) mà còn dựa trên năng lực định hình sở thích, chuẩn mực và luật chơi của hệ thống quốc tế. Nếu quyền lực cứng vận hành thông qua trừng phạt hoặc đe dọa, thì quyền lực mềm và quyền lực cấu trúc vận hành thông qua việc thiết lập khuôn khổ thể chế và tiêu chuẩn mà các chủ thể khác buộc phải thích ứng. Theo đó, quốc gia nào có khả năng xác lập quy tắc thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật và chuẩn mực quản trị sẽ nắm giữ lợi thế dài hạn trong trật tự kinh tế toàn cầu.

Trong thương mại hiện đại, quyền lực cấu trúc không chỉ thể hiện ở quy mô thị trường mà còn ở năng lực chi phối các “nút” quan trọng của mạng lưới kinh tế toàn cầu. Điều này bao gồm việc kiểm soát tiếp cận thị trường tiêu dùng, kiểm soát hệ thống tài chính – tiền tệ, định hình tiêu chuẩn môi trường và lao động, cũng như thiết kế cơ chế phòng vệ thương mại. Các công cụ như điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, quy định về xuất xứ hàng hóa hay kiểm soát xuất khẩu công nghệ cao không đơn thuần là biện pháp kỹ thuật; chúng là biểu hiện của quyền lực thể chế và khả năng thiết lập luật chơi.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa thể hệ mới, các tiêu chuẩn thương mại ngày càng gắn với các giá trị như phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và an ninh chuỗi cung ứng. Quốc gia giữ vai trò trung tâm trong hệ thống thương mại có thể sử dụng các tiêu chuẩn này để điều chỉnh hành vi của đối tác, qua đó mở rộng ảnh hưởng mà không cần sử dụng biện pháp cưỡng ép truyền thống. Quyền lực vì thế được “thể chế hóa” thông qua luật lệ và chuẩn mực, thay vì chỉ thông qua sức mạnh vật chất.

Song song với sự gia tăng của quyền lực cấu trúc là xu hướng an ninh hóa kinh tế. Trong môi trường cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, thương mại và đầu tư không còn được nhìn nhận thuần túy dưới lăng kính hiệu quả kinh tế mà ngày càng được gắn với lợi ích an ninh quốc gia. Các lĩnh vực như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch hay khoáng sản chiến lược được coi là tài sản chiến lược cần bảo vệ. Hệ quả là các biện pháp kiểm soát xuất khẩu, hạn chế đầu tư hoặc sàng lọc công nghệ được mở rộng với lý do bảo đảm an ninh.

Xu hướng này làm mờ ranh giới giữa chính sách kinh tế và chính sách an ninh. Thương mại trở thành công cụ của kinh tế nhà nước, trong đó các chính phủ chủ động sử dụng công cụ kinh tế – từ thuế quan, trợ cấp, cấm vận đến tiêu chuẩn kỹ thuật – để đạt được mục tiêu chính trị và chiến lược. Trong bối cảnh đó, lợi thế cấu trúc cho phép quốc gia dẫn dắt không chỉ điều chỉnh dòng chảy thương mại mà còn tái định hình chuỗi cung ứng theo định hướng chiến lược của mình.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển, xu hướng an ninh hóa kinh tế đặt ra thách thức kép. Một mặt, hội nhập sâu rộng mang lại cơ hội tiếp cận thị trường và công nghệ. Mặt khác, việc phụ thuộc vào các trung tâm kinh tế lớn khiến họ dễ bị tác động bởi các thay đổi chính sách mang tính chiến lược. Khi thương mại bị chính trị hóa, khả năng dự báo và ổn định của môi trường kinh doanh giảm sút, làm gia tăng chi phí điều chỉnh và rủi ro chính sách.

Vì vậy, phân tích quyền lực cấu trúc và an ninh hóa kinh tế không chỉ giúp hiểu rõ bản chất của trật tự thương mại hiện đại mà còn làm rõ cách thức quyền lực được thực thi thông qua luật lệ và tiêu chuẩn. Trong môi trường cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng, quốc gia nào kiểm soát được các thiết chế trung tâm và định hình được quy tắc sẽ nắm giữ lợi thế dài hạn, trong khi các quốc gia phụ thuộc nhiều hơn cần chủ động nâng cao năng lực thể chế và đa dạng hóa quan hệ kinh tế để giảm thiểu rủi ro.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Phục hồi hậu đại dịch và gia tăng phụ thuộc bất đối xứng

Giai đoạn 2021–2025 đánh dấu sự phục hồi nhanh chóng và mở rộng quy mô chưa từng có trong quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ. Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt khoảng 96 tỉ USD, tăng hơn 24% so với năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2024). Đến năm 2022, con số này tiếp tục tăng lên trên 109 tỉ USD, đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 29–30% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Năm 2023 và 2024, dù chịu tác động từ suy giảm nhu cầu toàn cầu, xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn duy trì ở mức cao, dao động quanh 95–100 tỉ USD.

Sự phục hồi này gắn liền với hai động lực cấu trúc. Thứ nhất, các gói kích thích kinh tế quy mô lớn của Hoa Kỳ sau đại dịch, bao gồm Đạo luật CARES và các chương trình phục hồi tiếp theo, đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng đối với hàng điện tử, nội thất, dệt may và hàng gia dụng nhập khẩu. Thứ hai, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và chiến lược “China +1” khiến nhiều tập đoàn đa quốc gia dịch chuyển một phần sản xuất sang Việt Nam. Theo số liệu của World Trade Organization (2023), Việt Nam nằm trong nhóm các nền kinh tế hưởng lợi lớn nhất từ sự tái phân bổ dòng thương mại do căng thẳng Mỹ – Trung Quốc.

Tuy nhiên, song song với tăng trưởng xuất khẩu là sự gia tăng nhanh chóng của thặng dư thương mại. Theo báo cáo của United States Trade Representative (2024), thặng dư thương mại của Việt Nam

với Hoa Kỳ duy trì ở mức 65–80 tỉ USD mỗi năm trong giai đoạn 2022–2024, đưa Việt Nam vào nhóm các đối tác có thặng dư lớn nhất với Hoa Kỳ. Mức độ tập trung thị trường cao thể hiện rõ khi Hoa Kỳ chiếm gần 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, trong khi tỉ trọng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ chỉ ở mức khoảng 4–5%.

Cấu trúc này phản ánh lợi thế so sánh của Việt Nam trong các ngành thâm dụng lao động và lắp ráp, song đồng thời làm gia tăng tính dễ tổn thương trước các công cụ phòng vệ thương mại. Trong giai đoạn 2021–2024, nhiều mặt hàng của Việt Nam như thép, gỗ dán, mật ong, pin năng lượng mặt trời và tủ gỗ đã bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp theo quy định của U.S. Department of Commerce. Ngoài ra, Việt Nam từng bị đưa vào danh sách giám sát về thao túng tiền tệ của Bộ Tài chính Hoa Kỳ, dù sau đó được rút khỏi danh sách này. Các động thái trên cho thấy rủi ro chính sách gia tăng tương ứng với quy mô thặng dư thương mại.

Dưới góc độ lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau phức tạp của Robert Keohane và Joseph Nye, quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ thể hiện rõ đặc điểm phụ thuộc bất đối xứng. Hoa Kỳ, với quy mô GDP hơn 25 nghìn tỉ USD và vị thế trung tâm của hệ thống thương mại toàn cầu, nắm giữ lợi thế cấu trúc trong việc định hình luật chơi, tiêu chuẩn và cơ chế giám sát. Trong khi đó, mức độ phụ thuộc cao của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ làm hạn chế không gian chính sách trong một số lĩnh vực nhạy cảm. Như vậy, phục hồi hậu đại dịch không chỉ là quá trình tăng trưởng thương mại mà còn là sự tái định hình cấu trúc quyền lực trong quan hệ song phương.

3.2. Nâng cấp chuỗi giá trị và tái định vị chiến lược

Giai đoạn 2021–2025 đánh dấu sự chuyển dịch sâu sắc trong cấu trúc hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ, phản ánh quá trình nâng cấp chuỗi giá trị (GVC) từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành thâm dụng công nghệ và vốn. Tỉ trọng nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ đã vượt mức 30%, phản ánh sự thay đổi về chất trong năng lực sản xuất nội địa. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu máy vi tính và sản phẩm điện tử sang thị trường này đạt trên 20 tỉ USD, minh chứng cho vị thế mắt xích quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu.

Sự dịch chuyển này không chỉ là kết quả khách quan của thị trường mà còn gắn liền với xu hướng đầu tư thân thiện (friend-shoring) và đầu tư về gần (near-shoring) do World Trade Organization [WTO] (2023) nhận định, khi các tập đoàn đa quốc gia tái cấu trúc mạng lưới sản xuất dựa trên sự tin cậy chính trị và ổn định địa chính trị. Việt Nam nổi lên như một trung tâm sản xuất linh kiện và bán dẫn mới nhờ dòng vốn FDI gia tăng mạnh mẽ từ các tập đoàn công nghệ lớn, thực hiện chiến lược "China +1" để giảm thiểu rủi ro từ cạnh tranh Mỹ – Trung Quốc.

Một bước ngoặt chiến lược quan trọng là việc hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2023. Khuôn khổ này không chỉ mở rộng hợp tác kinh tế mà còn lồng ghép thương mại vào cấu trúc chiến lược rộng hơn tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, tập trung vào các lĩnh vực như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số. Thương mại lúc này không còn đơn thuần là trao đổi hàng hóa mà trở thành công cụ liên kết chiến lược, nơi Hoa Kỳ cam kết hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển hệ sinh thái công nghệ cao tại Việt Nam.

Tuy nhiên, từ góc độ lý thuyết quyền lực cấu trúc, việc nâng cấp này đặt ra thách thức về giá trị gia tăng nội địa. Mặc dù kim ngạch tăng cao, nhưng lợi ích vẫn tập trung nhiều ở khối doanh nghiệp FDI, đòi hỏi Việt Nam phải phát triển công nghiệp hỗ trợ để tránh "bẫy lắp ráp". Việc tái định vị chiến lược giúp Việt Nam tạo ra thế cân bằng: vừa hội nhập sâu vào hệ sinh thái của Hoa Kỳ, vừa củng cố tự chủ kinh tế thông qua việc đa dạng hóa đối tác và nâng cao năng lực công nghệ trong nước.

3.3. Gia tăng vai trò của công cụ chính sách và an ninh hóa thương mại

Từ năm 2023 trở đi, quan hệ thương mại song phương ngày càng chịu tác động mạnh mẽ của xu hướng "an ninh hóa kinh tế". Trong môi trường cạnh tranh chiến lược, thương mại không còn được nhìn nhận thuần túy dưới lăng kính hiệu quả mà gắn liền với lợi ích an ninh quốc gia. Các công cụ chính sách như kiểm soát xuất khẩu công nghệ nhạy cảm, tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) và cơ chế giám sát chuỗi cung ứng đã trở thành phương tiện để thực thi quyền lực kinh tế.

Dựa trên lập luận của Nye (2004), quyền lực cấu trúc thể hiện ở khả năng định hình chuẩn mực và luật chơi quốc tế. Hoa Kỳ đã sử dụng ưu thế thế chế để áp đặt các quy tắc thương mại mới gắn với các giá trị về phát triển bền vững và an ninh chuỗi cung ứng. Điều này tạo ra một cấu trúc quyền lực mới,

nơi quốc gia dẫn dắt có thể điều chỉnh hành vi của đối tác thông qua các tiêu chuẩn kỹ thuật và rào cản phi thuế quan mà không cần cưỡng ép trực tiếp.

Hiện tượng "an ninh hóa thương mại" trở nên rõ nét khi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam liên tục đối mặt với các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp. Các công cụ này không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn phản ánh sự kiểm soát của Hoa Kỳ đối với thặng dư thương mại lớn từ phía Việt Nam. Khi thương mại bị chính trị hóa, khả năng dự báo của môi trường kinh doanh giảm sút, buộc Việt Nam phải thích ứng sớm với các luật lệ mới để duy trì quyền tiếp cận thị trường.

Hệ quả là, lợi thế cấu trúc cho phép quốc gia trung tâm định hình lại chuỗi cung ứng theo hướng chiến lược của mình. Đối với Việt Nam, điều này đòi hỏi việc lồng ghép ngoại giao kinh tế với chiến lược an ninh quốc gia. Việc chủ động tham gia vào các thiết chế quốc tế và tuân thủ các chuẩn mực cao về lao động, môi trường là cách duy nhất để giảm thiểu tính "dễ tổn thương" trong mối quan hệ phụ thuộc bất đối xứng này.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 2021–2025 phản ánh sự chuyển dịch từ phục hồi hậu đại dịch sang cấu trúc phụ thuộc bất đối xứng trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và cạnh tranh chiến lược ngày càng sâu sắc. Ba đặc điểm cấu trúc nổi bật gồm: (i) gia tăng phụ thuộc bất đối xứng thông qua thặng dư thương mại lớn; (ii) nâng cấp chuỗi giá trị theo hướng công nghệ cao gắn với tái định vị chiến lược; và (iii) an ninh hóa thương mại thông qua việc sử dụng công cụ chính sách và tiêu chuẩn. Việc nâng cấp quan hệ song phương năm 2023 vừa mở rộng cơ hội hợp tác kinh tế – công nghệ, vừa đặt ra yêu cầu chiến lược cao hơn đối với Việt Nam trong việc cân bằng giữa hội nhập sâu với Hoa Kỳ và củng cố tự chủ kinh tế quốc gia.

Dựa trên các đặc điểm cấu trúc đã phân tích, tác giả đề xuất bốn nhóm hàm ý chính sách nhằm củng cố tự chủ kinh tế và tối ưu hóa lợi ích trong quan hệ với Hoa Kỳ:

Thứ nhất, giảm thiểu phụ thuộc bất đối xứng thông qua đa dạng hóa chiến lược: Việt Nam cần tiếp tục kiên trì chiến lược đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường để giảm mức độ dễ tổn thương. Việc tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA và RCEP không chỉ giúp giảm bớt sự tập trung quá mức vào thị trường Hoa Kỳ mà còn tạo ra thế cân bằng trong đàm phán thương mại song phương.

Thứ hai, nâng cao năng lực nội sinh trong chuỗi giá trị công nghệ cao: Để không rơi vào "bẫy lắp ráp" của khối FDI, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ đột phá cho các doanh nghiệp công nghệ trong nước, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ ngành bán dẫn. Mục tiêu cốt lõi là tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa để biến lợi thế về quy mô xuất khẩu thành năng lực cạnh tranh thực chất.

Thứ ba, chủ động thích ứng và xây dựng tiêu chuẩn quản trị mới: Thay vì phản ứng thụ động trước các cuộc điều tra phòng vệ thương mại hay tiêu chuẩn ESG, Việt Nam cần chủ động nội địa hóa các chuẩn mực quốc tế về lao động, môi trường và minh bạch chuỗi cung ứng. Điều này không chỉ giúp duy trì quyền tiếp cận thị trường Hoa Kỳ mà còn nâng cao uy tín của hàng hóa Việt Nam trên toàn cầu.

Thứ tư, lồng ghép ngoại giao kinh tế với an ninh kinh tế quốc gia: Trong bối cảnh thương mại bị chính trị hóa, Việt Nam cần xây dựng cơ chế cảnh báo sớm và phòng vệ kinh tế nhằm đối phó với các cú sốc chính sách từ các cường quốc. Ngoại giao kinh tế phải đảm bảo nguyên tắc giữ vững tự chủ chiến lược, tránh bị cuốn sâu vào các vòng xoáy cạnh tranh công nghệ nhưng vẫn đảm bảo sự gắn kết sâu rộng với hệ sinh thái công nghệ của Hoa Kỳ.

Tài liệu tham khảo

1. Keohane, R. O., & Nye, J. S. (1977). *Power and interdependence*. Little, Brown.
2. Nye, J. S. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. Public Affairs.
3. Office of the United States Trade Representative. (2024). *U.S.–Vietnam trade facts*. <https://ustr.gov>
4. Tổng cục Thống kê. (2024). *Niên giám thống kê 2023*. NXB Thống kê.
5. World Trade Organization. (2023). *World trade report 2023*. WTO Publications.